

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT**Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ E-HSDT**

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**2.1 Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu

tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSMT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSMT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 09C Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 ⁽¹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽²⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế ⁽³⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁴⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản – Tổng nợ phải trả).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08A
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁵⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 17.290.000.000 ⁽⁶⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08A

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
3.3	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu	<p>Có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng:</p> <p>Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao⁽⁷⁾, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 3.735.000.000⁽⁸⁾VND.</p> <p>Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị: Tối thiểu 3.735.000.000 VND; - Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày 30 tháng 04 năm 2026; - Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu. 	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08B, 08C
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự⁽⁹⁾	<p>Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023⁽¹⁰⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn⁽¹¹⁾ tối thiểu 01 công trình có: loại kết cấu: Công trình giao thông đường bộ, cấp: sửa chữa hoặc cấp IV trở lên⁽¹²⁾, có giá trị \geq 6.225.000.000⁽¹³⁾ VNĐ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý⁽¹⁴⁾ hoặc nhà thầu phụ.</p> <p>Tài liệu chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực Hợp đồng và Bảng giá ký hợp đồng. + Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư (trong đó có thể 	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ		Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh
		<p>hiện tiến độ và chất lượng công trình).</p> <p>+ Tài liệu chứng minh giá trị thực hiện hoàn thành: Hóa đơn giá trị gia tăng; hoặc Bản chính (hoặc Bản sao được chứng thực): Biên bản nghiệm thu khối lượng hoặc Bảng xác nhận khối lượng hoàn thành hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng hoặc Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu (trong đó có thể hiện giá trị thực hiện hoàn thành).</p> <p>+ Tài liệu chứng minh quy mô, loại và cấp công trình.</p> <p>+ Trường hợp nhà thầu thực hiện với tư cách là nhà thầu phụ phải đảm bảo đúng theo Khoản 2, Điều 141 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ. Đồng thời, nhà thầu phụ thì phải có xác nhận của chủ đầu tư, hợp đồng giữa nhà thầu chính và chủ đầu tư, biên bản nghiệm thu giữa nhà thầu chính và chủ đầu tư.</p>			
<p>Kết luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu được đánh giá “Đạt” về năng lực tài chính và kinh nghiệm khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn chi tiết trong bảng nêu trên và cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh như yêu cầu E-HSMT. - Nhà thầu được đánh giá “Không đạt” về năng lực tài chính và kinh nghiệm khi không đáp ứng 01 trong các tiêu chuẩn chi tiết trong bảng nêu trên hoặc không cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh hoặc có cung cấp nhưng không đáp ứng như yêu cầu E-HSMT. 					

Ghi chú:

- (1) Ghi thời gian yêu cầu thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.
- (2) Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:
 - Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
 - Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

(Ví dụ: ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(4) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(5) Ghi số năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu vào sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, năm Y-2...).

Ví dụ:

- Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

- Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(6) Cách tính toán về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2;

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k.

Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

(7) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và nhà thầu sử dụng cam kết này để chứng minh nguồn lực tài chính thì nhà thầu phải đính kèm bản scan cam kết cung cấp tín dụng trong E-HSMT.

(8) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:

a) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = t x (Giá gói thầu/thời gian thực hiện gói thầu (tính theo tháng)).

Thông thường yêu cầu hệ số “t” trong công thức này là 3.

b) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = 30% x Giá gói thầu.

(9) Trường hợp gói thầu gồm công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng thì chỉ nêu yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với công trình. Đối với các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(10) Ghi năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và có thời gian thực hiện hợp đồng lớn hơn 36 tháng, chủ đầu tư có thể quy định năm yêu cầu từ 03 năm đến 08 năm.

(11) Hoàn thành toàn bộ nghĩa là đã thực hiện xong toàn bộ công việc của công trình/hạng mục và được nghiệm thu; hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(12) Ghi loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu. Loại kết cấu, cấp công trình được xác định theo Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Trường hợp công trình/loại kết cấu công trình thuộc gói thầu không có trong Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD thì E-HSMT phải đưa ra quy định tính tương tự về bản chất của công trình; riêng đối với cấp công trình được xác định theo Phụ lục I Thông tư số 06/2021/TT-BXD. Trường hợp Thông tư số 06/2021/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì việc xác định loại, cấp công trình thực hiện theo quy định tại Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

Loại kết cấu, cấp công trình của nhà thầu thực hiện được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

Chủ đầu tư không được đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với hạng mục trong trường hợp gói thầu chỉ gồm công trình hoặc cả công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng (Ví dụ: yêu cầu hợp đồng tương tự đối với công trình giao thông cấp IV nhưng phải bao gồm hạng mục nền đắp đất, cấp phối đá dăm, mặt bê tông nhựa hoặc bê tông, rãnh thoát nước dọc, ngang, mái kè gia cố...).

(13) Ghi giá trị của V, V1, V2, V3. Trong đó:

- V có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị công việc xây lắp của công trình thuộc gói thầu đang xét (công trình A). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V trong khoảng 40% - 50% giá trị công việc xây lắp của công trình A.

- V1, V2, V3... có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị của từng công trình/hạng mục tương ứng (A1, A2, A3...) thuộc gói thầu đang xét (bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng nếu có). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V1, V2, V3... trong khoảng 40% - 50% giá trị của công trình/hạng mục A1, A2, A3...

- Việc đánh giá về giá trị của các công trình/hạng mục mà nhà thầu đã thực hiện, Tổ chuyên gia căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu của công trình/hạng mục đó. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(Hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình đang xét, giá trị hoàn thành mỗi công trình cấp thấp hơn liền kề bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của công trình đang xét thì được đánh giá là một công trình xây lắp tương tự).

Ví dụ: Trường hợp công trình đang xét là công trình xây dựng có loại kết cấu dạng nhà cấp II với giá trị công trình là 60 tỷ đồng, nếu nhà thầu có 2 công trình xây dựng có loại kết cấu dạng nhà cấp III với giá trị đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn lần lượt là 30 tỷ đồng, 50 tỷ đồng thì được coi là đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn một công trình dân dụng cấp II với giá trị 30 tỷ đồng.

- Các công trình/hạng mục tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành có thể thuộc một hoặc nhiều hợp đồng (hợp đồng có thể đang thực hiện, chưa thanh lý).

- Đối với gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình theo pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu phải hoàn thành công trình/hạng mục tương tự cho tất cả các công trình/hạng mục trong gói thầu hoặc chỉ yêu cầu hoàn thành công trình/hạng mục tương tự đối với một số công trình/hạng mục chính, trường hợp có một số công trình có cùng loại kết cấu thì chỉ yêu cầu về công trình/hạng mục tương tự đối với cùng loại kết cấu mà có cấp công trình cao nhất (trường hợp có nhiều công trình cùng loại kết cấu và cấp công trình thì giá trị hợp đồng tương tự được tính theo công trình có giá trị cao nhất). Công trình/hạng mục mà nhà thầu đã hoàn thành có cùng loại kết cấu và có cấp công trình cao hơn cấp công trình của gói thầu đang xét thì được coi là đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu và cấp công trình.

Loại kết cấu, cấp công trình của công trình tương tự được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

Ví dụ: Đối với gói thầu xây dựng “Trường trung học phổ thông A”, bao gồm tổ hợp các công trình:

+ Nhà A1 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 8.000 m², có giá trị theo dự toán được duyệt là (2X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A2 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 5.000 m², có giá trị theo dự toán được duyệt là (X) VND. Nhà A2 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A3 (Nhà học): Cao 6 tầng, tổng diện tích sàn 1.000 m², có giá trị theo dự toán được duyệt là (Y) VND. Nhà A3 là công trình kết cấu dạng nhà cấp III theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Hàng rào bảo vệ: Cao 3 m

+ Nhà bảo vệ: Cao 1 tầng, diện tích sàn 12 m²

Trong E-HSMT có thể quy định kinh nghiệm thi công công trình tương tự là: “nhà thầu đã hoàn thành công trình xây dựng nhà, kết cấu dạng nhà cấp II, có giá trị tối thiểu là 50% x (2X) VND” mà không phải quy định nhà thầu phải có kinh nghiệm thực hiện cả các công trình xây dựng nhà A2, A3, hàng rào bảo vệ, nhà bảo vệ.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.

(14) Nhà thầu quản lý là nhà thầu không trực tiếp thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc của gói thầu mà ký hợp đồng với các nhà thầu khác để thực hiện nhưng nhà thầu vẫn quản lý việc thực hiện của các nhà thầu mà mình đã ký hợp đồng, đồng thời vẫn chịu toàn bộ trách nhiệm cũng như rủi ro liên quan đến giá thành, tiến độ thực hiện, chất lượng và các nội dung khác của gói thầu.

2.2 Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

a) Nhân sự chủ chốt

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có đủ nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được xếp thứ nhất, nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSMT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất tại các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống)

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn
1	Chỉ huy trưởng	01 người	Tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.	<ul style="list-style-type: none"> - Có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật công trình giao thông hoặc xây dựng cầu đường hoặc xây dựng đường bộ. - Có thời gian kinh nghiệm tham gia hoạt động xây dựng từ 02 năm trở lên (căn cứ theo bảng khai Mẫu số 06C - Bảng kinh nghiệm chuyên môn và bằng cấp). - Đã trực tiếp tham gia thi công xây dựng ít nhất 01 công trình giao thông đường bộ từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình giao thông đường bộ cấp IV. - Đã làm Chỉ huy trưởng công trường thi công xây dựng (trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu) 01 công trình giao thông đường bộ (có các hạng mục: Mặt đường bê tông nhựa; Cào bóc mặt đường bê tông nhựa; Vĩa hè), cấp sửa chữa hoặc cấp IV trở lên. <p><i>Tài liệu chứng minh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản chụp hợp đồng lao động hoặc tài liệu chứng minh thuộc biên chế của nhà thầu (đối với trường hợp nhân sự thuộc quản lý của nhà thầu) hoặc tài liệu chứng minh có thể sẵn sàng huy động nhân sự cho gói thầu (đối với trường hợp nhân sự không thuộc quản lý của nhà

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn
				<p><i>thầu) và Căn cước công dân (còn hiệu lực).</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực bằng cấp (có thể hiện rõ chuyên ngành yêu cầu, trường hợp trong văn bằng không thể hiện rõ chuyên ngành yêu cầu thì cần có tài liệu để chứng minh như: Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận tốt nghiệp; Bảng điểm kết quả học tập đại học,...).</i> + <i>Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực: Hợp đồng thi công và Bảng giá ký hợp đồng.</i> + <i>Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực: Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư, trong đó có thể hiện tiến độ và chất lượng công trình.</i> + <i>Tài liệu chứng minh quy mô, loại và cấp công trình.</i> + <i>Tài liệu chứng minh đã tham gia thực hiện công trình [Bản chính (hoặc Bản sao được chứng thực): Xác nhận của chủ đầu tư hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành để đưa vào sử dụng (trong đó có tên nhân sự đề xuất)].</i>
2	Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công phần giao thông	01 người	Tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.	<ul style="list-style-type: none"> - Có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật công trình giao thông hoặc xây dựng cầu đường hoặc xây dựng đường bộ. - Đã làm Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công xây dựng (trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu) 01 công trình giao thông đường bộ (có các hạng mục: Mặt đường bê tông nhựa; Cào bóc mặt đường bê tông nhựa; Vĩa hè), cấp sửa chữa hoặc cấp IV trở lên. <p><i>Tài liệu chứng minh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Bản chụp hợp đồng lao động hoặc tài liệu chứng minh thuộc biên chế của nhà thầu (đối với trường hợp nhân sự thuộc quản lý của nhà thầu) hoặc tài liệu chứng minh có thể sẵn sàng huy động nhân sự cho gói thầu (đối với trường hợp nhân sự không thuộc quản lý của nhà thầu) và Căn cước công dân (còn hiệu lực).</i> + <i>Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực bằng cấp (có thể hiện rõ chuyên ngành yêu cầu, trường hợp trong văn bằng không thể hiện rõ chuyên ngành yêu cầu thì cần có tài liệu để chứng minh như: Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận tốt</i>

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn
				<p><i>ngành; Bảng điểm kết quả học tập đại học,...).</i></p> <p>+ <i>Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực: Hợp đồng thi công và Bảng giá ký hợp đồng.</i></p> <p>+ <i>Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực: Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư, trong đó có thể hiện tiến độ và chất lượng công trình.</i></p> <p>+ <i>Tài liệu chứng minh quy mô, loại và cấp công trình.</i></p> <p>+ <i>Tài liệu chứng minh đã tham gia thực hiện công trình [Bản chụp: Quyết định phân công nhiệm vụ hoặc Quyết định thành lập ban chỉ huy công trường; hoặc Bản chính (hoặc Bản sao được chứng thực): Xác nhận của chủ đầu tư hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành để đưa vào sử dụng (trong đó có tên nhân sự đề xuất)].</i></p> <p><i>Trường hợp liên danh dự thầu: Mỗi thành viên liên danh phải có ít nhất 01 cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công phân công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong liên danh.</i></p>
3	Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công phân điện	01 người	Tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.	<p>- Có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành điện.</p> <p>- Có chứng chỉ hoặc chứng nhận huấn luyện an toàn điện.</p> <p>- Đã làm Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công xây dựng (trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu) 01 công trình giao thông đường bộ hoặc hạ tầng kỹ thuật (có hạng mục: Chiếu sáng công cộng), cấp sửa chữa hoặc cấp IV trở lên.</p> <p><i>Tài liệu chứng minh:</i></p> <p>+ <i>Bản chụp hợp đồng lao động hoặc tài liệu chứng minh thuộc biên chế của nhà thầu (đối với trường hợp nhân sự thuộc quản lý của nhà thầu) hoặc tài liệu chứng minh có thể sẵn sàng huy động nhân sự cho gói thầu (đối với trường hợp nhân sự không thuộc quản lý của nhà thầu) và Căn cước công dân (còn hiệu lực).</i></p> <p>+ <i>Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực bằng cấp, chứng chỉ (còn hiệu lực và có thể hiện rõ chuyên ngành yêu cầu, trường hợp trong văn bằng không thể hiện rõ chuyên ngành yêu cầu thì cần có tài liệu để chứng minh như: Bản chính hoặc Bản sao được</i></p>

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn
				<p><i>chứng thực Giấy chứng nhận tốt nghiệp; Bảng điểm kết quả học tập đại học,...).</i></p> <p>+ <i>Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực: Hợp đồng thi công và Bảng giá ký hợp đồng.</i></p> <p>+ <i>Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực: Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư, trong đó có thể hiện tiến độ và chất lượng công trình.</i></p> <p>+ <i>Tài liệu chứng minh quy mô, loại và cấp công trình.</i></p> <p>+ <i>Tài liệu chứng minh đã tham gia thực hiện công trình [Bản chụp: Quyết định phân công nhiệm vụ hoặc Quyết định thành lập ban chỉ huy công trường; hoặc Bản chính (hoặc Bản sao được chứng thực): Xác nhận của chủ đầu tư hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành để đưa vào sử dụng (trong đó có tên nhân sự đề xuất)].</i></p> <p><i>Trường hợp liên danh dự thầu: Mỗi thành viên liên danh phải có ít nhất 01 cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong liên danh.</i></p>
4	Cán bộ phụ trách an toàn lao động	01 người	Tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.	<p>- Có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật công trình giao thông hoặc xây dựng cầu đường hoặc xây dựng đường bộ hoặc bảo hộ lao động hoặc an toàn lao động.</p> <p>- Có chứng chỉ hoặc chứng nhận huấn luyện về an toàn lao động.</p> <p>- Đã trực tiếp tham gia thi công xây dựng công trình hoặc làm cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về an toàn lao động trên công trường xây dựng (trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu) 01 công trình giao thông đường bộ, cấp sửa chữa hoặc cấp IV trở lên.</p> <p><i>Tài liệu chứng minh:</i></p> <p>+ <i>Bản chụp hợp đồng lao động hoặc tài liệu chứng minh thuộc biên chế của nhà thầu (đối với trường hợp nhân sự thuộc quản lý của nhà thầu) hoặc tài liệu chứng minh có thể sẵn sàng huy động nhân sự cho gói thầu (đối với trường hợp nhân sự không thuộc quản lý của nhà thầu) và Căn cước công dân (còn hiệu lực).</i></p> <p>+ <i>Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực bằng cấp, chứng chỉ (còn hiệu lực và có thể</i></p>

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn
				<p><i>hiện rõ chuyên ngành yêu cầu, trường hợp trong văn bản không thể hiện rõ chuyên ngành yêu cầu thì cần có tài liệu để chứng minh như: Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận tốt nghiệp; Bảng điểm kết quả học tập đại học,...).</i></p> <p><i>+ Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực: Hợp đồng thi công và Bảng giá ký hợp đồng.</i></p> <p><i>+ Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực: Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư, trong đó có thể hiện tiến độ và chất lượng công trình.</i></p> <p><i>+ Tài liệu chứng minh loại và cấp công trình.</i></p> <p><i>+ Tài liệu chứng minh đã tham gia thực hiện công trình [Bản chụp: Quyết định phân công nhiệm vụ hoặc Quyết định thành lập ban chỉ huy công trường; hoặc Bản chính (hoặc Bản sao được chứng thực): Xác nhận của chủ đầu tư hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành để đưa vào sử dụng (trong đó có tên nhân sự đề xuất)].</i></p>
5	Cán bộ phụ trách thanh quyết toán	01 người	Tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.	<p>- Có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế xây dựng hoặc tài chính kế toán.</p> <p>- Đã làm Cán bộ phụ trách thanh quyết toán (trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu) 01 công trình giao thông đường bộ, cấp sửa chữa hoặc cấp IV trở lên.</p> <p><i>Tài liệu chứng minh:</i></p> <p><i>+ Bản chụp hợp đồng lao động hoặc tài liệu chứng minh thuộc biên chế của nhà thầu (đối với trường hợp nhân sự thuộc quản lý của nhà thầu) hoặc tài liệu chứng minh có thể sẵn sàng huy động nhân sự cho gói thầu (đối với trường hợp nhân sự không thuộc quản lý của nhà thầu) và Căn cước công dân (còn hiệu lực).</i></p> <p><i>+ Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực bằng cấp (có thể hiện rõ chuyên ngành yêu cầu, trường hợp trong văn bản không thể hiện rõ chuyên ngành yêu cầu thì cần có tài liệu để chứng minh như: Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận tốt nghiệp; Bảng điểm kết quả học tập đại học,...).</i></p> <p><i>+ Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực: Hợp đồng thi công và Bảng giá ký hợp đồng.</i></p>

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn
				<p>+ Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực: Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư, trong đó có thể hiện tiến độ và chất lượng công trình.</p> <p>+ Tài liệu chứng minh loại và cấp công trình.</p> <p>+ Tài liệu chứng minh đã tham gia thực hiện công trình [Bản chụp: Quyết định phân công nhiệm vụ hoặc Quyết định thành lập ban chỉ huy công trường; hoặc Bản chính (hoặc Bản sao được chứng thực): Xác nhận của chủ đầu tư hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành để đưa vào sử dụng (trong đó có tên nhân sự đề xuất)].</p>
<p><i>Ghi chú: Trường hợp sau thời điểm đóng thầu, các tài liệu chứng minh do nhà thầu cung cấp mà hết hiệu lực thì nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp cho lại Chủ đầu tư các tài liệu mới còn hiệu lực để đảm bảo tính chính xác trong công tác lựa chọn nhà thầu.</i></p> <p>Kết luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu được đánh giá “Đạt” về nhân sự chủ chốt khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn chi tiết trong bảng nêu trên và cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh như yêu cầu E-HSMT. - Nhà thầu được đánh giá “Không đạt” về nhân sự chủ chốt khi không đáp ứng 01 trong các tiêu chuẩn chi tiết trong bảng nêu trên hoặc không cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh hoặc có cung cấp nhưng không đáp ứng như yêu cầu E-HSMT. 				

b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được xếp thứ nhất và thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị thi công chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu (Webform trên Hệ thống)

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Ô tô tải tự đổ, khối lượng hàng hóa chuyên chở cho phép tham gia giao thông ≥ 22 tấn	1

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
2	Ô tô tải tự đổ, khối lượng hàng hóa chuyên chở cho phép tham gia giao thông ≥ 7 tấn	1
3	Ô tô tải thùng, khối lượng hàng hóa chuyên chở cho phép tham gia giao thông $\geq 2,5$ tấn	1
4	Ô tô chứa nhiên liệu, khối lượng hàng hóa chuyên chở cho phép tham gia giao thông $\geq 2,5$ tấn	1
5	Ô tô bồn tưới nước, dung tích bồn $\geq 5m^3$	1
6	Xe thang chuyên dụng hoặc xe có thiết bị nâng người làm việc trên cao, Chiều dài thang hoặc chiều cao nâng tối thiểu 12m	1
7	Máy lu bánh hơi, trọng lượng đầm ≥ 25 tấn	1
8	Máy lu bánh thép, trọng lượng đầm ≥ 10 tấn	1
9	Máy đào, dung tích gầu $\geq 0,8m^3$	1
10	Máy rải bê tông nhựa, công suất $\geq 130CV$	1
11	Máy phun nhựa đường, công suất $\geq 190CV$	1
12	Máy cào bóc mặt đường bê tông nhựa, chiều sâu vệt cào $\geq 5cm$, bề rộng vệt cào $\geq 1m$	1
13	Máy nén khí, công suất $\geq 420m^3/h$	1
14	Máy nén khí, công suất $\geq 600m^3/h$	1
15	Cần cẩu, sức nâng ≥ 6 tấn	1
16	Thiết bị sơn đường	1

Tài liệu chứng minh: Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực giấy đăng ký thiết bị hoặc hợp đồng, hóa đơn mua hàng hoặc giấy đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật và hợp đồng nguyên tắc với bên cho thuê (trường hợp nhà thầu đi thuê).

Trường hợp tài liệu chứng minh đính kèm không thể hiện được đặc điểm thiết bị như yêu cầu thì nhà thầu cần cung cấp bổ sung tài liệu hợp pháp thể hiện được đặc điểm thiết bị như yêu cầu.

Ghi chú: Trường hợp sau thời điểm đóng thầu, các tài liệu chứng minh do nhà thầu cung cấp mà hết hiệu lực thì nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp cho lại Chủ đầu tư các tài liệu mới còn hiệu lực để đảm bảo tính chính xác trong công tác lựa chọn nhà thầu.

Kết luận:

- Nhà thầu được đánh giá “Đạt” về thiết bị thi công khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn chi tiết trong bảng nêu trên và cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh như yêu cầu E-HSMT.
- Nhà thầu được đánh giá “Không đạt” về thiết bị thi công khi không đáp ứng 01 trong các tiêu chuẩn chi tiết trong bảng nêu trên hoặc không cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh hoặc có cung cấp nhưng không đáp ứng như yêu cầu E-HSMT.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Các tiêu chí đánh giá tổng quát làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường;
- Các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, an toàn giao thông;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Các yếu tố cần thiết khác.

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt

Tiêu chuẩn đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật như sau:

1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công	Có giải pháp mặt bằng tổ chức (thuyết minh và bản vẽ) hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Không có hoặc thiếu \geq 01 giải pháp kỹ thuật hoặc Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
1.2. Công tác chuẩn bị tại văn phòng	Nhà thầu có đề xuất công tác kiểm tra hồ sơ thiết kế; công tác lập và trình danh sách ban chỉ huy công trường cho các đơn vị có liên quan; công tác lập và trình tiến độ thi công chi tiết cho các bên có liên quan; kế hoạch họp bàn chuẩn bị triển khai thi công. Nhà thầu có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên theo yêu cầu và hợp lý.	Đạt
	Nhà thầu không đề xuất hoặc đề xuất sơ sài, không chi tiết công tác chuẩn bị tại văn phòng như yêu cầu.	Không đạt
1.3. Biện pháp đảm bảo giao thông đường bộ khi thi công	Có đề xuất biện pháp (thuyết minh và bản vẽ) đầy đủ hợp lý, khả thi	Đạt
	Không đề xuất hoặc không đầy đủ hoặc không hợp lý, khả thi	Không đạt
1.4. Giải pháp công tác trắc đạc, định vị các kết cấu công trình	Có đề xuất giải pháp (thuyết minh và bản vẽ) đầy đủ hợp lý, khả thi	Đạt
	Không đề xuất hoặc không đầy đủ hoặc không hợp lý, khả thi	Không đạt
1.5. Biện pháp thi công mặt đường (thi công bê	Có đề xuất giải pháp (thuyết minh và bản vẽ) đầy đủ hợp lý, khả thi	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
tông nhựa, thi công cào bóc mặt đường)	Không đề xuất hoặc không đầy đủ hoặc không hợp lý, khả thi	Không đạt
	Không đề xuất hoặc không đầy đủ hoặc không hợp lý, khả thi	Không đạt
1.6. Biện pháp thi công via hè	Có đề xuất giải pháp (thuyết minh và bản vẽ) đầy đủ hợp lý, khả thi	Đạt
	Không đề xuất hoặc không đầy đủ hoặc không hợp lý, khả thi	Không đạt
1.7. Biện pháp thi công sơn đường, biển báo	Có đề xuất giải pháp (thuyết minh và bản vẽ) đầy đủ hợp lý, khả thi	Đạt
	Không đề xuất hoặc không đầy đủ hoặc không hợp lý, khả thi	Không đạt
1.8. Biện pháp thi công cải tạo hầm ga, miệng thu nước, trụ cứu hỏa	Có đề xuất giải pháp (thuyết minh và bản vẽ) đầy đủ hợp lý, khả thi	Đạt
	Không đề xuất hoặc không đầy đủ hoặc không hợp lý, khả thi	Không đạt
1.9. Biện pháp thi công cải tạo trụ chiếu sáng	Có đề xuất giải pháp (thuyết minh và bản vẽ) đầy đủ hợp lý, khả thi	Đạt
	Không đề xuất hoặc không đầy đủ hoặc không hợp lý, khả thi	Không đạt
1.10. Công tác hoàn thiện: + Dọn dẹp vệ sinh, hoàn thiện trước khi bàn giao. + Lập hồ sơ hoàn công, nghiệm thu, quyết toán A-B.	Có đề xuất giải pháp (thuyết minh) đầy đủ hợp lý, khả thi	Đạt
	Không đề xuất hoặc không đầy đủ hoặc không hợp lý, khả thi	Không đạt
Kết luận	Cả 10 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

2. Tiến độ thi công

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công (không bao gồm chủ nhật, lễ, Tết), trong đó: Thời gian thi công là 60 ngày; thời gian lập hồ sơ hoàn công là 15 ngày; thời gian lập hồ sơ quyết toán A-B là 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành gói thầu đưa vào sử dụng	Đề xuất thời gian thực hiện hợp đồng không vượt quá 90 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công (không bao gồm chủ nhật, lễ, Tết), trong đó: Thời gian thi công là 60 ngày; thời gian lập hồ sơ hoàn công là 15 ngày; thời gian lập hồ sơ quyết toán A-B là 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành gói thầu đưa vào sử dụng. Nhà thầu phải lập Biểu tiến độ thi công chi tiết cho các công tác nêu tại Mục 1 nêu trên.	Đạt
	Đề xuất về thời gian thực hiện hợp đồng vượt quá 90 ngày hoặc thời gian thi công xây dựng vượt quá 60 ngày hoặc thời gian lập hồ sơ hoàn công vượt quá 15 ngày hoặc thời gian lập hồ sơ quyết toán A-B vượt quá 15 ngày hoặc không tính đến điều kiện thời tiết	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	hoặc không lập Biểu tiến độ thi công chi tiết cho các công tác nêu tại Mục 1 nêu trên.	
2.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công	Có biểu đồ huy động thiết bị, nhân lực phù hợp với thời gian thi công công trình.	Đạt
b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Đề xuất không đủ 2 nội dung a và b.	Không đạt
2.3. Biểu đồ tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Có biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT. Biểu tiến độ thi công phải phân khai rõ thời gian thực hiện công việc thi công xây dựng, thời gian lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán, hoàn thành công trình.	Đạt
	Không có biểu đồ tiến độ thi công hoặc có biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật hoặc Biểu tiến độ thi công không phân khai rõ thời gian thực hiện công việc thi công xây dựng, thời gian lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán, hoàn thành công trình.	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

3. Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường	Có tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường.	Đạt
	Không có tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.	Đạt
	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

4. Các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, an toàn giao thông

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Có sơ đồ quản lý tổ chức nhân sự liên quan đến công tác quản lý chất lượng và thuyết minh mô tả trách nhiệm của từng vị trí trong sơ đồ tổ chức	Có sơ đồ quản lý tổ chức nhân sự liên quan đến công tác quản lý chất lượng và thuyết minh mô tả trách nhiệm của từng vị trí trong sơ đồ tổ chức hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có sơ đồ quản lý tổ chức nhân sự hoặc không có thuyết minh hoặc có sơ đồ và thuyết minh nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
4.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng máy móc, thiết bị và vật tư, nguyên vật liệu đầu vào để phục vụ	Có biện pháp bảo đảm chất lượng đầy đủ, hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không nêu hoặc thiếu ≥ 1 biện pháp hoặc có nêu nhưng không phù hợp với biện pháp thi công	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<p>công tác thi công:</p> <p>4.2.1. Lập bảng danh mục vật tư, vật liệu theo yêu cầu tại Chương V của HSMT.</p> <p>4.2.2. Quy trình và biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị.</p> <p>4.2.3. Biện pháp quản lý chất lượng cho từng công tác thi công nêu tại khoản 1.5, 1.6, 1.7, 1.8, 1.9 Mục 3, chương III của E-HSMT và biện pháp bảo quản vật tư, vật liệu, thiết bị khi mưa bão.</p>		
4.3 Biện pháp bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
4.4 Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
4.5 Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
4.6 Biện pháp an toàn giao thông hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp an toàn giao thông hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp an toàn giao thông hoặc có biện pháp an toàn giao thông nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
Kết luận	Cả 6 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt	Không đạt

5. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
5.1 Thời gian bảo hành	Có đề xuất thời gian bảo hành \geq 12 tháng kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.	Đạt
	Trường hợp sau khi làm rõ E-HSĐT (nếu có) mà Nhà thầu không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng thời gian bảo hành $<$ 12 tháng.	Không đạt
5.2 Bảo trì	Nhà thầu đề xuất kế hoạch bảo trì công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng	Đạt
	Trường hợp sau khi làm rõ E-HSĐT (nếu có) mà Nhà thầu không đề xuất hoặc đề xuất không hợp lý, không khả thi.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

6. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.1 Thông tin về uy tín trong việc tham dự thầu của Nhà thầu	Nhà thầu không vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 hoặc có nhưng nhà thầu thực hiện biện pháp đảm bảo dự thầu gấp 3 lần trị yêu cầu cho gói thầu đang xét theo quy định tại khoản 2 điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 và Nhà thầu phải cam kết bằng văn bản. Trường hợp liên danh dự thầu, tất cả các thành viên trong liên danh phải đáp ứng điều kiện trên.	Đạt
	Nhà thầu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 nhưng không thực hiện biện pháp đảm bảo dự thầu gấp 3 lần trị yêu cầu cho gói thầu đang xét theo quy định tại khoản 2 điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 hoặc trường hợp sau khi làm rõ E-HSĐT (nếu có) mà Nhà thầu không cung cấp bản cam kết theo yêu cầu nêu trên hoặc nhà thầu cam kết không trung thực.	Không đạt
6.2 Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của Nhà thầu	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, trong đó thể hiện nhà thầu không vi phạm hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu hoặc có nhưng không quá 01 hợp đồng (từ ngày 01/01/2023 đến nay) và Nhà thầu phải cam kết bằng văn bản. Trường hợp liên danh dự thầu, tất cả các thành viên trong liên danh phải đáp ứng điều kiện trên.	Đạt
	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nhà thầu bị vi phạm hợp	Không đạt

	đồng hoặc chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu từ 02 hợp đồng trở lên (từ ngày 01/01/2023 đến nay) hoặc trường hợp sau khi làm rõ E-HSDT (nếu có) mà Nhà thầu không cung cấp bản cam kết theo yêu cầu nêu trên hoặc nhà thầu cam kết không trung thực.	
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

7. Các yếu tố cần thiết khác:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
7.1 Công nhân kỹ thuật.	Nhà thầu cam kết có đầy đủ công nhân có tay nghề đáp ứng yêu cầu công việc thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt.	Đạt
	Trường hợp sau khi làm rõ E-HSDT (nếu có) mà Nhà thầu không cung cấp cam kết theo yêu cầu nêu trên.	Không đạt
7.2 Đối với các vật tư, vật liệu chính: - Bê tông nhựa C12.5; - Nhũ tương; - Cấp phối đá dăm; - Gạch terrazzo, gạch xi măng bồn cây; - Thép các loại; - Bê tông thương phẩm M150, M200, M300; - Xi măng; - Sơn lót và sơn dẻo nhiệt kẻ đường; - Bộ lưới chắn rác + bó vĩa thu nước bằng gang; - Cấp điện các loại.	Nhà thầu có cam kết thực hiện cung cấp đúng tiến độ và đạt chất lượng theo thiết kế và bản chính hoặc bản sao được chứng thực hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp kèm theo bản chính hoặc bản sao được chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của nhà cung cấp hoặc tài liệu chứng minh nhà thầu tự sản xuất và cung cấp các vật tư, vật liệu chính.	Đạt
	Trường hợp sau khi làm rõ E-HSDT (nếu có) mà Nhà thầu không cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh theo yêu cầu nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

Mục 4: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Bước 1. Xác định giá dự thầu;
- Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);
- Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);
- Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT;
- Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.